**PHỤ LỤC 1**

**DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CỦA NGÀNH VĂN HÓA, THỂ THAO VÀ DU LỊCH**

**THUỘC THẨM QUYỀN GIẢI QUYẾT CỦA UBND CẤP XÃ TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH TÂY NINH**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày / /2025 của Chủ tịch UBND tỉnh Tây Ninh)*

**TỔNG SỐ THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CẤP XÃ: 11 TTHC**

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **STT** | **Tên TTHC** | **Mã số TTHC** | **Lĩnh vực** | **Thời hạn giải quyết** | **Phí, lệ phí  (nếu có)** | **Địa điểm, cơ quan thực hiện** | **Mức dịch vụ công** | **Căn cứ pháp lý** |
| 1 | Thủ tục cấp Giấy phép đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ karaoke cấp xã. | 1.001029 | Văn hóa cơ sở | 10 ngày làm việc | - Tại các thành phố trực thuộc trung ương và tại các thành phố, thị xã trực thuộc tỉnh:  - Từ 01 đến 03 phòng: 4.000.000 đồng/giấy.  - Từ 04 đến 05 phòng: 6.000.000 đồng/giấy.  - Từ 06 phòng trở lên: 12.000.000 đồng/giấy.  - Tại các khu vực khác:  - Từ 01 đến 03 phòng: 2.000.000 đồng/giấy.  - Từ 04 đến 05 phòng: 3.000.000 đồng/giấy.  - Từ 06 phòng trở lên: 6.000.000 đồng/giấy. | - Địa điểm: Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã bất kỳ ***(trong trường hợp được UBND tỉnh phân cấp/ủy quyền giải quyết)***  - Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Ủy ban nhân dân cấp xã.  - Cơ quan trực tiếp thực hiện: Phòng chuyên môn cấp xã. | Một phần | - Nghị định số 54/2019/NĐ-CP ngày 19/6/2019 của Chính phủ quy định về kinh doanh dịch vụ karaoke, dịch vụ vũ trường (có hiệu lực thi hành từ ngày 01/9/2019).  - Thông tư số 01/2021/TT-BTC ngày 07/01/2021 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí cấp giấy phép kinh doanh karaoke, vũ trường (có hiệu lực từ ngày 25/02/2021).  - Nghị định số 148/2024/NĐ-CP ngày 12/11/2024 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 54/2019/NĐ-CP ngày 19 tháng 6 năm 2019 của Chính phủ quy định về kinh doanh dịch vụ Karaoke, dịch vụ vũ trường. |
| 2 | Thủ tục cấp Giấy phép điều chỉnh Giấy phép đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ karaoke cấp xã. | 1.000963 | Văn hóa cơ sở | 07 ngày | - Tại các thành phố trực thuộc trung ương và tại các thành phố, thị xã trực thuộc tỉnh: đối với trường hợp các cơ sở đã được cấp phép kinh doanh karaoke đề nghị tăng thêm phòng, mức thu là 2.000.000 đồng/phòng, nhưng tổng mức thu không quá 12.000.000 đồng/giấy phép/lần thẩm định.  - Tại các khu vực khác: đối với trường hợp các cơ sở đã được cấp phép kinh doanh karaoke đề nghị tăng thêm phòng, mức thu là 1.000.000 đồng/phòng, nhưng tổng mức thu không quá 6.000.000 đồng/giấy phép/lần thẩm định.  - Mức thu phí thẩm định điều chỉnh Giấy phép đủ điều kinh doanh dịch vụ karaoke đối với trường hợp thay đổi chủ sở hữu là 500.000 đồng/giấy. | - Địa điểm: Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã bất kỳ ***(trong trường hợp được UBND tỉnh phân cấp/ủy quyền giải quyết)***  - Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Ủy ban nhân dân cấp xã.  - Cơ quan trực tiếp thực hiện: Phòng chuyên môn cấp xã. | Một phần | - Nghị định số 54/2019/NĐ-CP ngày 19/6/2019 của Chính phủ quy định về kinh doanh dịch vụ karaoke, dịch vụ vũ trường.  - Thông tư số 01/2021/TT-BTC ngày 07/01/2021 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí cấp giấy phép kinh doanh karaoke, vũ trường.  - Nghị định số 148/2024/NĐ-CP ngày 12/11/2024 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 54/2019/NĐ-CP ngày 19 tháng 6 năm 2019 của Chính phủ quy định về kinh doanh dịch vụ Karaoke, dịch vụ vũ trường. |
| 3 | Thủ tục tiếp nhận hồ sơ đăng ký lễ hội quy mô cấp xã |  | Văn hóa cơ sở | 15 ngày | Không quy định | - Địa điểm: Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã bất kỳ  - Cơ quan giải quyết TTHC: Ủy ban nhân dân cấp xã. | Toàn trình | - Nghị định số 110/2018/NĐ-CP ngày 29 tháng 8 năm 2018 của Chính phủ quy định về quản lý và tổ chức lễ hội.  - Nghị định số 137/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ quy định về thẩm quyền của Chính quyền địa phương 02 cấp trong lĩnh vực Văn hóa, Thể thao và Du lịch.  - Nghị định số 138/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ quy định về phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực văn hóa, thể thao và du lịch. |
| 4 | Thủ tục thông báo tổ chức lễ hội cấp xã. | 1.003622 | Văn hóa cơ sở | 15 ngày | Không quy định | - Địa điểm: Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã bất kỳ  - Cơ quan giải quyết TTHC: Ủy ban nhân dân cấp xã. | Toàn trình | - Nghị định số 110/2018/NĐ-CP ngày 29 tháng 8 năm 2018 của Chính phủ quy định về quản lý và tổ chức lễ hội. |
| 5 | Thủ tục cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động điểm cung cấp dịch vụ trò chơi điện tử công cộng | 2.001885 | Phát thanh truyền hình và Thông tin điện tử | 15 ngày | Không quy định | - Địa điểm: Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã bất kỳ  - Cơ quan giải quyết TTHC: Ủy ban nhân dân cấp xã. | Toàn trình | - Nghị định số 147/2024/NĐ-CP ngày 09 tháng 11 năm 2024 của Chính phủ quản lý, cung cấp, sử dụng dịch vụ Internet và thông tin trên mạng;  - Nghị định số 137/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ quy định về phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương 02 cấp trong lĩnh vực văn hóa, thể thao và du lịch. |
| 6 | Thủ tục sửa đổi, bổ sung giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động điểm cung cấp dịch vụ trò chơi điện tử công cộng | 2.001884 | Phát thanh truyền hình và Thông tin điện tử | 05 ngày làm việc | Không quy định | - Địa điểm: Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã bất kỳ  - Cơ quan giải quyết TTHC: Ủy ban nhân dân cấp xã. | Toàn trình | - Nghị định số 147/2024/NĐ-CP ngày 09 tháng 11 năm 2024 của Chính phủ quản lý, cung cấp, sử dụng dịch vụ Internet và thông tin trên mạng;  - Nghị định số 137/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ quy định về phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương 02 cấp trong lĩnh vực văn hóa, thể thao và du lịch. |
| 7 | Thủ tục gia hạn giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động điểm cung cấp dịch vụ trò chơi điện tử công cộng | 2.001880 | Phát thanh truyền hình và Thông tin điện tử | 05 ngày làm việc | Không quy định | - Địa điểm: Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã bất kỳ  - Cơ quan giải quyết TTHC: Ủy ban nhân dân cấp xã. | Toàn trình | - Nghị định số 147/2024/NĐ-CP ngày 09 tháng 11 năm 2024 của Chính phủ quản lý, cung cấp, sử dụng dịch vụ Internet và thông tin trên mạng;  - Nghị định số 137/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ quy định về phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương 02 cấp trong lĩnh vực văn hóa, thể thao và du lịch. |
| 8 | Thủ tục cấp lại giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động điểm cung cấp dịch vụ trò chơi điện tử công cộng | 2.001786 | Phát thanh truyền hình và Thông tin điện tử | 05 ngày làm việc | Không quy định | - Địa điểm: Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã bất kỳ  - Cơ quan giải quyết TTHC: Ủy ban nhân dân cấp xã. | Toàn trình | - Nghị định số 147/2024/NĐ-CP ngày 09 tháng 11 năm 2024 của Chính phủ quản lý, cung cấp, sử dụng dịch vụ Internet và thông tin trên mạng;  - Nghị định số 137/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ quy định về phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương 02 cấp trong lĩnh vực văn hóa, thể thao và du lịch. |
| 9 | Thủ tục công nhận câu lạc bộ thể thao cơ sở | 2.000794 | Thể dục thể thao | 7 ngày làm việc | Không | - Địa điểm: Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã bất kỳ  - Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Ủy ban nhân dân cấp xã.  - Cơ quan trực tiếp thực hiện: Phòng chuyên môn cấp xã. | Toàn trình | - Luật Thể dục, thể thao số 77/2006/QH11 ngày 29/11/ 2006. Có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 7 năm 2007.  - Nghị định số 112/2007/NĐ-CP ngày 26/6/2007 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Thế dục, Thể thao. Có hiệu lực thi hành từ ngày 03/8/2007.  - Thông tư số 18/2011/TT-BVHTTDL ngày 02/12/2011 của Bộ trưởng Bộ Văn hoá, Thể thao và Du lịch quy định mẫu về tổ chức và hoạt động của câu lạc bộ thể thao cơ sở. Có hiệu lực thi hành từ ngày 25/01/2012. |
| 10 | Thủ tục cấm tiếp xúc theo quyết định của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã | [1.012084](https://dichvucong.gov.vn/p/home/dvc-tthc-thu-tuc-hanh-chinh-chi-tiet.html?ma_thu_tuc=330539) | Gia đình | 12 giờ kể từ khi Chủ tịch UBND cấp xã nhận đơn | Không | - Địa điểm: Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã bất kỳ  - Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Ủy ban nhân dân cấp xã. | Một phần | - Luật Phòng, chống bạo lực gia đình số 13/2022/QH15 ngày14/11/2022;  - Nghị định số 76/2023/NĐ-CP ngày 01/11/2023 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Phòng, chống bạo lực gia đình. |
| 11 | Thủ tục hủy bỏ Quyết định cấm tiếp xúc | [1.012085](https://dichvucong.gov.vn/p/home/dvc-tthc-thu-tuc-hanh-chinh-chi-tiet.html?ma_thu_tuc=330558) | Gia đình | 12 giờ kể từ khi Chủ tịch UBND cấp xã nhận đơn | Không | - Địa điểm: Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã bất kỳ  - Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Ủy ban nhân dân cấp xã. | Một phần | - Luật Phòng, chống bạo lực gia đình số 13/2022/QH15 ngày14/11/2022;  - Nghị định số 76/2023/NĐ-CP ngày 01/11/2023 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Phòng, chống bạo lực gia đình. |